

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19/6/2020

*V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐÓP, TỈNH BÌNH PHƯỚC.**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Chúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sĩ Quốc và bà Điều Thị Hương

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nông Thúy Hằng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
ông Bùi Quang Hoàng - Kiểm sát viên.*

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐ XXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị B, sinh năm 1983 -(Có mặt);

Bị đơn: Anh Diệp Thái Q, sinh năm: 1980- (có đơn yêu cầu vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp TB, xã TT, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn đề ngày 26/3/2020, các biên bản làm việc tại tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn Chị Trương Thị B trình bày: Chị B và anh Diệp Thái Q kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T T, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước ngày 07/12/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10(mười) năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, anh Q không chăm lo đến cuộc sống của vợ con và hay quậy phá. Vì vậy cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, sống không hạnh phúc. Hiện tại vợ chồng tôi đã sống ly thân từ hơn một tháng nay.

-Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung:

1. Diệp Thị Mỹ L, sinh ngày: 13/3/2007

2. Diệp Xuân T, sinh ngày: 24/10/2010

3. Diệp Xuân Ph, sinh ngày: 04/9/2019, tôi yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa Chị B cương quyết yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp xét xử cho chị được ly hôn Anh Diệp Thái Q và yêu cầu được tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra Chị B không yêu cầu gì thêm.

- *Tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Nợ chung*: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, Chị B không có yêu cầu gì khác;

Trong quá trình giải quyết vụ án: Tại biên bản lấy lời khai và tại các biên bản hòa giải ngày 15 tháng 5 và ngày 02/6/2020 Anh Diệp Thái Q thừa nhận lời trình bày của Chị B là hoàn toàn đúng về phần quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp tính nhau nên thường xuyên va chạm, vợ chồng đã sống ly thân được hơn một tháng. Anh Q vẫn còn rất thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn Chị B mà có nguyện vọng yêu cầu Tòa án hòa giải để vợ chồng chị về chung sống đoàn tụ, nuôi dạy con cái.

Bị đơn Anh Diệp Thái Q có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa không đồng ý ly hôn Chị B, nếu Chị B cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh Q đồng ý giao 03 con chung cho Chị B được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Q không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Không có; Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất giải quyết toàn bộ vụ án, Chị B vẫn cương quyết ly hôn. Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ không thành.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp bất kỳ chứng cứ nào khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng trình tự pháp luật quy định. Việc xác định tư cách những người tham gia tố tụng của Thẩm phán phù hợp với quy định của

Luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Trương Thị B thuộc trường hợp “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Bị đơn Anh Diệp Thái Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và không có yêu cầu phản tố, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Trương Thị B và Anh Diệp Thái Q kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T T, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước vào ngày 07/12/2006. Xét đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa Chị B vẫn giữ nguyên quan điểm cương quyết yêu cầu được ly hôn anh Q với lý do tình cảm vợ chồng không thể cải thiện được nữa do mâu thuẫn vợ chồng đã quá căng thẳng, mặc dù Chị B đã cho anh Q nhiều cơ hội sửa đổi tính tình nhưng anh Q vẫn không thay đổi. Thời gian vợ chồng sống ly thân hai người còn không quan tâm chăm sóc hỏi thăm lẫn nhau nữa. Mặc dù hai bên gia đình đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng Chị B, anh Q vẫn không hòa thuận.

Bị đơn vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án tại biên bản lấy lời khai và tại biên bản hòa giải ngày 15/5, biên bản hòa giải ngày 02/6/2020, Anh Diệp Thái Q không đồng ý ly hôn Chị B, anh Q có nguyện vọng xin đoàn tụ; Chị B không đồng ý và cương quyết yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn anh Q do chị không còn tình cảm với anh Q nữa. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay anh Q cũng không thay đổi. Vì vậy nếu tòa án có hòa giải cho vợ chồng chị về chung sống đoàn tụ thì tình cảm vợ chồng cũng không thể cải thiện được.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 01/6/2020 giữa Chị B và anh Q được biết. Việc Chị B, anh Q mâu thuẫn như thế nào thì địa phương cũng không nắm rõ. Do Chị B, anh Q không báo địa phương hòa giải. Tuy nhiên, hiện nay Chị B và anh Q không sống

chung mà Chị B cùng với con chung về bên mẹ ruột sinh sống. Nay anh Q đi làm ăn xa thỉnh thoảng vẫn đi về.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa Chị B và anh Q đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị B đối với anh Q là hoàn toàn phù hợp với các qui định của pháp luật.

- Về con chung: Chị B trình bày: Vợ chồng anh chị đã có 03 người con chung tên:

1. Diệp Thị Mỹ L, sinh ngày: 13/3/2007

2. Diệp Xuân T, sinh ngày: 24/10/2010

3. Diệp Xuân Ph, sinh ngày: 04/9/2019, các con chung đang ở với Chị B kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay. Tại phiên tòa Chị B tiếp tục yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 03 con chung cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

- Xét thấy cháu Ph còn nhỏ các cháu L và T đều có nguyện vọng được ở với mẹ thể hiện tại các biên bản tự ghi lời khai ngày 14/5/2020 để đảm bảo cuộc sống ổn định về mọi mặt cũng như sự phát triển về tâm sinh lý bình thường của trẻ em vị thành niên và thực tế hiện nay các con chung là L, T, Ph đang được Chị B chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng sống ly thân. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án anh Q cũng đồng ý giao các con chung cho Chị B được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Vì vậy Hội đồng xét xử cần tiếp tục giao các con chung là L, T, Ph cho Chị B tiếp tục được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với thực tế và phù hợp pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trương Thị B không yêu cầu. Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Không có; Hội đồng xét xử không xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trương Thị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015;

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn, yêu cầu nuôi con khi ly hôn” của nguyên đơn chị Trương Thị B đối với Anh Diệp Thái Q.

[1]. *Về hôn nhân*: Chị Trương Thị B được ly hôn Anh Diệp Thái Q.

[2]. *Về con chung*: Giao 03 con chung là: Diệp Thị Mỹ L, sinh ngày: 13/3/2007; Diệp Xuân T, sinh ngày: 24/10/2010 và Diệp Xuân Ph, sinh ngày: 04/9/2019 cho Chị B được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Q. không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung sau khi ly hôn theo Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

[3]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Trương Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị B đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đốp theo biên lai thu tiền số 0017283 ngày 05/5/2020.

[4]. *Về quyền kháng cáo*:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đ;
- THADS huyện B Đ;
- UBND xã T Th;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Thị Chúc